

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ  
TÒA THÁNH TÂY NINH

THUYẾT PHÁP

Soạn Giả | Bạch Y

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2015  
hai • không • một • năm

---

Ebook được làm theo tài liệu được phổ biến trên Website **BANTHEDAO.NET** của **Ban Thế Đạo Hải Ngoại**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HIỆN TẠI LÊ VĂN THÊM** tự **Bạch Y, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE BANTHEDAO.NET** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 03/12/2015

Tâm Nguyên

---

# THUYẾT PHÁP

SOẠN GIÁ | BẠCH Y



---

---

## MỤC LỤC

<b>THUYẾT PHÁP</b> .....	<b>7</b>
▪ I- Lời dạy của Đức Hộ Pháp .....	7
▫ 1-Thứ nhất: Thuyết Pháp chẳng phải dễ .....	7
▫ 2-Thứ hai: phải ráng học, cần phải tập .....	9
▫ 3-Thứ Ba: phải làm cho đặng để thay thế ngôn ngữ của Đức Chí Tôn .....	12
▪ II- Lời dạy trong Kinh .....	13
<b>HÀNH TRANG THUYẾT PHÁP</b> .....	<b>19</b>
▪ I- Hành trang thứ nhất: <b>BÁC ÁI</b> .....	19
▪ II- Hành trang thứ hai: <b>NHẪN NHỤC</b> .....	24
▫ A- Nhẫn nhục với Phật giáo .....	25
Câu chuyện Đức Phật Thích Ca đi thuyết pháp .....	25
▫ B- Nhẫn nhục với Nho giáo .....	28
▫ C- Tâm Nhẫn Nhục với Đạo Cao Đài Nho Tông chuyển thế. ....	30
▪ III- Hành trang thứ ba: <b>THANH TỊNH</b> .....	32
▪ IV- Hành trang thứ tư: <b>THÔNG MINH</b> và <b>VĂN TỪ</b> .....	33
<b>KẾT LUẬN</b> .....	<b>41</b>



## THUYẾT PHÁP

Soạn giả: BẠCH-Y

### I- LỜI DẠY CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Trong con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, qua đêm thuyết Đạo tại Đền Thánh ngày 12 tháng 1 năm Kỳ Sửu nhằm ngày 9-2-1949, được ghi lại tại Tập San Thế Đạo số 41, nơi trang 34 và 35, Đức Hộ Pháp có dạy về Thuyết Pháp. Vậy chúng ta nên cố tìm hiểu để mong tri kiến được những gì mà Đức Ngài đã chỉ bảo.

#### 1-Thứ nhất: Thuyết Pháp chẳng phải dễ

Đức Ngài nói “*Thuyết Pháp là một điều chẳng phải dễ*”.

Mà quả thật vậy. Gần 60 năm qua kể từ khi “*cơ Đạo trải qua hồi biến chuyển*” (lời Đức Hộ Pháp) khiến Đức Ngài phải rời bỏ đất nước thân yêu để ra đi rồi triệu Thiên trên đất Chùa Tháp, Tòa Thánh kể từ khi vắng bóng Ngài thì công cuộc thuyết pháp cũng hầu như được đi dần vào quên lãng.

Vì không còn và không có thuyết pháp và do quan tâm với đạo sự này mà từ lâu Bạch Y có cố ý đem ra luận bàn với nhiều vị chức sắc cũng như những vị đạo tâm, nhưng hầu hết thì gần như ai cũng thờ ra và câu trả lời như chẳng đến hồi kết thúc.

Có phải chẳng đây là một đạo pháp thật sự quá khó khăn, mà nếu chẳng có nhiều khó khăn thì tại sao Đức Chí Tôn lại than thở.

Thật vậy, khi bị đồ lưu nơi hải ngoại, tại đảo

Madagascar, “có một lần Đức Hộ Pháp cầm một cây que nhỏ và tay kia khóa cát cho bằng thì liền tiếp diễn. Có một Đấng giáng vào tay cầm que viết chữ trên cát, dùng lời lẽ an ủi và báo tin cho biết tình hình biến chuyển của thế giới và nước nhà”. Cũng trong lần chấp bút này có Bà Linh Sơn giáng và nói rõ như sau:

*“Chào Thiên Tôn và chư vị Đại Thiên Phong,*

*Thiếp có mạng lệnh đến đây làm bạn bút nghiêng trong lúc chư vị mang lệnh Đức Chí Tôn cho nghỉ ngơi nơi này.”*

*“Chí Tôn than rằng chư Chúc Sắc Thiên Phong bên Cửu Trùng Đài thiếu hùng biện văn tài dặng làm tay qui phục sanh chúng. Vì có ấy mà triết lý Đạo khó phổ thông cho toàn thiên hạ.”<sup>[1]</sup>*

Nói rõ hơn, theo như lời Đức Chí Tôn than thở sở dĩ cơ Đạo chưa được hoằng khai mở rộng để cho Nhơn Đạo Đại Đồng và Thiên Đạo Giải Thoát là cũng có nguyên nhân, mặc dù cho đến ngày nay từ quốc nội đến hải ngoại, chư vị thật sự có đạo tâm vẫn luôn luôn một lòng vì Đạo, thương yêu hòa ái với nhau, chung lưng đấu cật để dựng xây biết bao Thánh Thất cũng như hậu điện hậu đường, biết bao công trình tạo tác cũng như xuất bản rất nhiều kinh sách, đặc san, bản tin, thật là những đạo tâm, đạo hạnh, đạo sự và đạo quả đã tạo ra vô vàn khích lệ, duy chỉ còn việc thuyết pháp, thuyết đạo, giảng đạo hay luận đạo vấn đáp hoặc mạn đàm là một đạo sự cũng vô cùng quan trọng mà toàn đạo cũng cần phải quan tâm để ý hầu cho cơ Đạo được hoằng khai, đó là chúng ta đã có vâng lệnh và làm đúng theo lời dạy của Đức Chí Tôn và Đức Hộ

---

[1] Tập San Thế Đạo số 49- Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản-California, USA- 2011- trang 15-16.



Pháp, mà như Đức Hộ Pháp đã nói thì đây quả thật là một đạo pháp không phải dễ dàng gì.

## **2–Thứ hai: phải rán học, cần phải tập**

Vì thuyết pháp chẳng phải dễ nên Đức Hộ Pháp mới dặn dò tất cả con em của Ngài là “*mình phải rán học, cần mẫn học. Cần phải tập, không tập thì không thể gì làm được.*”<sup>[2]</sup>

Đức Ngài còn bảo rằng: “*Thuyết pháp tức nhiên có niêm luật của phương thuyết pháp. Phải có niêm luật chớ không phải muốn nói gì thì nói. Không thể khi lên nói một đề Nam, rồi tới chừng thuyết thì lại đi qua một đề Bắc. Không thể nói càn được...*”<sup>[3]</sup>

Nói khác hơn theo như những gì Đức Hộ Pháp đã giải rõ thì thuyết pháp không phải là một pháp sự dễ dàng mà “*thuyết pháp phải có phù ba, có văn chương, có tài khẩu thuyết mới được. Phải lấy kim suy cổ, phải suy tâm những lý lẽ cao siêu và có những phần phải học thuộc lòng.*”<sup>[4]</sup>

Nói rõ hơn là trừ những vị đã có tiền kiếp học Đạo, đã có nhiều tiền căn tu hành như Lục Tổ Huệ Năng chẳng hạn, không cần biết chữ, không cần thuộc kinh mà vẫn giảng giải được diệu lý của Kinh Đại Niết Bàn cho Ni Sư Vô Tận Tạng, ngoài ra tất cả cần phải học nếu muốn thuyết pháp, và học đây là học những gì sẽ được trình bày ở phần sau.

---

[2] Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo (4 tháng 2 Kỷ Sửu nhằm ngày 3–3–1949) – Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Tập San Thế Đạo số 41, CA-USA- Trang 34–35.

[3] Như cước chú số 2.

[4] Như cước chú 2.

Tóm lại, muốn thuyết pháp được để độ Đời nâng Đạo, cứu khổ độ sanh thì điều kiện trước tiên là phải có học tập trừ những vị đã có tiền căn, hoặc những vị đã được Ôn Trên ban riêng ân điển.

Nói đến đây rồi nhìn tương lai của Đạo, đặc biệt là tại hải ngoại thì Bạch Y lại nhớ đến Thế Hệ Kế Thừa mà rõ nhất là thế hệ Hiền Tài Dự Phong. Có thể nói đây là thế hệ gồm phần lớn và hầu hết là những nguyên nhân xuống trần lập vị, lập vị cho mình cũng như lập vị cho người. Đây là thế hệ tương lai sẽ cùng toàn Đạo đưa Đạo đến thất ức niên mà Đạo rất cần và rất trông cậy, cũng như trước đây Đức Hộ Pháp và Hội Thánh đã nói rõ là trông cậy vào thế hệ Hiền Tài để lo cho Đạo.

Mà quả thật, ngày nay đa số Hiền Tài đã cùng đồng đạo, tất cả đều kể công người của, kể trông việc nầy, người làm việc nọ, kể lo xây dựng, người lo kêu gọi yểm trợ tài chánh, kể in ấn, người lo phát hành phổ biến... v... v... nhờ thế mà đến ngày nay giờ nầy đạo Cao Đài tại hải ngoại nhất là tại Hoa Kỳ, dù chưa hoàn mỹ nhưng đã có hiện ra thật tướng. Bao nhiêu Thánh Thất đã hoàn thành cũng như biết bao Thánh Thất đang xây dựng mà riêng việc xây dựng Thánh Thất Houston Texas, Bạch Y vẫn nghĩ như là một giấc mơ.

Nói như mơ vì nhớ mới ngày nào đây tại Tòa Thánh, khi đến nhà HH Dương Văn Ngựa, Bạch Y đã gặp HT. Trịnh Quốc Thế và phu nhân là HT. Nguyễn Ngọc Nương. Lúc ấy tất cả còn bị kẹt ở lại Việt Nam và vào lúc đó Bạch Y không thể nghĩ được hay tưởng tượng được rằng có một ngày nhiều ngôi Thánh Thất hùng vĩ và uy nghi ở California, Louisiana, Dallas, Wichita... đã hoàn thành,

cũng như ngôi Thánh Thất đồ sộ, mơ ước Houston – Texas do HT. Trịnh Quốc Thế và HT. Nguyễn Ngọc Nương hiệp cùng Hành Chánh Đạo địa phương và đồng đạo đang xây cất theo mẫu số 3 Tòa Thánh Tây Ninh, với biết bao cực nhọc khó khăn rồi chắc chắn cũng sẽ hoàn thành, dù rằng đường xa sức yếu, tuổi tác chất chồng nhưng hồng tâm vì Đạo vẫn luôn luôn một lòng với Đạo.

Sở dĩ Bạch Y phải viết về nhị vị Hiền Tài đáng quý trọng Trịnh Quốc Thế và Nguyễn Ngọc Nương vì Bạch Y muốn nói đến tâm đạo của tất cả đồng đạo đặc biệt là tâm đạo của nhị vị Hiền Tài Thế Nương cũng như tâm đạo của tất cả những vị Hiền Tài trong đó có cả Hiền Tài Dự Phong.

Tất cả Hiền Tài cũng như tất cả đồng đạo chúng ta mỗi người một tay, mỗi người một việc, chúng ta lo cố gắng xây dựng Đạo, và đó cũng là xây dựng Cội Âm Chất. Chúng ta cố gắng làm phước, làm duyên, làm thiện, cố gắng lo tu vì nếu không có căn tu thì ngày nay sẽ không có cơ hội để đến ở tại Hoa Kỳ, Canada, Úc..... nói chung là hải ngoại. Khi nào thời giờ và cơ hội cho phép Bạch Y sẽ nói rõ hay viết rõ “*Nhân và Quả*” nầy căn cứ hoàn toàn vào giáo lý của Đạo Cao Đài và Tam giáo để cho đồng đạo thấy rất rõ để lo lập công bồi đức, và việc lập công bồi đức hiện thời là cùng cố gắng góp tâm, góp sức ủng hộ tinh thần hay vật chất để lo xây dựng Đạo mà tiêu biểu hiện tại là ủng hộ cho Thánh Thất Houston–Texas sớm được hoàn thành.

Đến đây xin trở lại vấn đề thuyết pháp và xin được nói về lời dạy thứ ba của Đức Hộ Pháp.

### **3–Thứ Ba: phải làm cho đặng để thay thế ngôn ngữ của Đức Chí Tôn**

Mặc dù thuyết pháp được Đức Hộ Pháp xác nhận là một đạo sự chẳng phải dễ, nhưng do Thuyết Pháp lại là một đạo pháp, một pháp sự vô cùng quan trọng trong việc hoằng khai Đại Đạo và phổ độ chúng sanh mà một tôn giáo cần phải có, bắt buộc phải có, không có không được do đó mà Đức Ngài lại rất đặc biệt chú tâm và thật sự ân cần nhắc nhở và dặn dò toàn đạo là phải làm sao thực hành cho bằng được.

Đức Ngài dạy rất rõ như sau: *“Nếu mình làm không đặng thì thay thế cho Đức Chí Tôn không đặng”* *“Mình phải làm cho đặng để thay thế ngôn ngữ của Đức Chí Tôn, đem chơn truyền của Ngài để vào tinh thần như loại. Nếu mình làm không đặng cũng như mình làm cho Đức Chí Tôn cảm sao?”*<sup>[5]</sup>

Chúng ta có dám làm cho Đức Chí Tôn cảm không?

Chắc chắn là không!

Nhưng muốn không, chúng ta phải làm gì?

Chúng ta nhất thiết phải vâng lời của Đức Hộ Pháp *“cần phải ráng học, cần mẫn học. Cần phải tập. Không tập không thể gì làm được”*. Nói rõ hơn là chúng ta cần phải tổ chức *“cùng nhau học Đạo, cùng nhau luận Đạo, luận Đạo vấn đáp, mạn đàm, giảng Đạo, thuyết Đạo và thuyết Pháp”*.

Để thực hiện hoàn mẫn pháp sự này, chúng ta cần phải nghiên cứu kỹ lại lời dạy của Đức Hộ Pháp, cần phải

---

[5] Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống- Tập San Thế Đạo số 41 – Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản – CA USA – 2009 – trang 35.

suy nghiệm tận tường những yếu chỉ mà kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, đặc biệt là kinh Thuyết Pháp đã dạy.

## II- LỜI DẠY TRONG KINH

Những lời dạy trong kinh của Đạo Cao Đài rất cao siêu và vi diệu.

Chúng ta thường nghe nói Cao Đài là Tam Giáo Qui Nguyên, được hiểu một phần trong ý nghĩa giáo lý của Đạo Cao Đài gồm tất cả tinh túy giáo lý của Tam Giáo.

Mặc dù được hiểu như vậy nhưng **thực ra giáo lý của Đạo Cao Đài vượt qua ngoài giáo lý Tam Giáo, mà nói rõ hơn là có những phần giáo lý của Đạo Cao Đài không có trong giáo lý của Đạo Phật, Đạo Lão hay Đạo Khổng.**

Như vậy, để có thể thuyết pháp theo đúng giáo lý của Đạo Cao Đài thì ngoài việc cần làm đúng theo những gì mà Đức Hộ Pháp dặn bảo, chúng ta còn phải tìm hiểu cho thật tinh tường những lời dạy trong Kinh, như thế mới có thể thuyết pháp đúng theo giáo chỉ của Kinh, mà nếu chúng ta làm được như vậy, đó là chúng ta đã có thể thay thế ngôn ngữ của Đức Chí Tôn, cũng có nghĩa là chúng ta không còn làm cho Đức Chí Tôn im lặng nữa, tức là chúng ta đã làm không sai những gì mà Đức Hộ Pháp đã dặn.

Chúng ta phải nghe và phải làm đúng theo những gì mà Đức Hộ Pháp đã dạy cách đây hơn 60 năm và kinh cũng đã dạy cách nay hơn 80 năm.

Trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống Đức Hộ Pháp dạy rằng: *“Cả thầy đều biết, nhờ cái thuyết pháp*

mà Chơn Truyền nó hiện tượng” và kinh cũng đã từ lâu nhắc nhở và kêu gọi chúng ta nên nhớ là:

*“Các con vốn trong vòng Thánh Thế,  
Phép tu vi là kế tu hành.  
Mở đường tích cực oai linh,  
Cậy phương thuyết giáo vẽ thành kinh chơn.”*

Có nghĩa là Kinh Cơ và nền Đạo Cao Đài phải nhờ có thuyết giáo, thuyết pháp mới được “vẽ thành” tức mới “hiện tượng” (lời Đức Hộ Pháp), cũng có nghĩa là mới ra thiết tướng, để chúng sanh thấy rõ mà theo Đạo, mà vào Đạo, để nhưn sanh con cái của Đức Chí Tôn khắp năm châu bốn bể biết rõ đó mà tu, để cho Thế Đạo Đại Đồng và Thiên Đạo Giải Thoát.

\*

ξ ξ

Nhằm làm sao cho Thế Đạo Đại Đồng, Thiên Đạo Giải Thoát nên cách đây hơn 60 năm Đức Hộ Pháp mới dặn dò kỹ lưỡng chúng ta rằng chúng ta không thể nào và chúng ta cũng không được phép làm cho Đức Chí Tôn cảm. Sự thật thì Đức Ngài có nói rõ ràng như vậy và kinh Thuyết Pháp cũng đã dạy rất rõ ràng rằng:

*“Trường Phổ Tế khó khăn lắm nổi,  
Cậy Thánh tâm sửa đổi tánh phàm.  
Dịu đời với sức không kham,  
Mượn quyền thuyết pháp đặng làm cơ quan.”*

có nghĩa là công cuộc Phổ Độ Kỳ Ba cũng chẳng phải dễ dàng gì, vì “Trường Phổ Tế khó khăn lắm nổi”.

Nói rõ hơn là việc phổ hóa nhưn sanh, lo phần Đạo cho chúng sanh tức đem Đạo vào Đời, đem Đời đến với

Đạo, tức điều dắt sanh linh về với Đạo cũng có nhiều khó khăn lắm.

Để giải toả cho bằng được những khó khăn này nhằm điều Đòi đến với Đạo thì chúng ta phải cậy vào Thánh tâm của mình để mà thay đổi tánh phàm của nhơn linh sanh chúng (*Cậy Thánh tâm thay đổi tánh phàm*).

Nhưng nói rằng cậy Thánh tâm của chúng ta để thay đổi tánh phàm của chúng sanh thì đây quả thật là một điều mà thoát tiên vừa mới đọc, mới nói hay mới nghe đến thì chúng ta thấy rằng nó hoàn toàn vượt qua hay nói rõ hơn là ngoài khả năng và sức lực tâm linh của chúng ta. Nói trắng ra là chúng ta khó làm sao hoàn thành được, khó làm sao kham nổi. (*Điều đòi với sức không kham*).

Để có thể kham được, tức muốn thực hành cho bằng được công cuộc “*Trường Phổ Tế khó khăn lắm nổi*” này thì chúng ta phải nhờ vào thuyết pháp, phải “*Mượn quyền thuyết pháp đặt làm cơ quan*.”

Nói tóm lại, với 4 câu kinh trên đây, chúng ta thấy rằng công cuộc phổ độ nhơn sanh và hoàng dương Đại Đạo Kỳ Ba quả thật có nhiều khó khăn. Vậy để giải quyết được những khó khăn này thì chúng ta cần phải mượn quyền thuyết pháp để làm cơ quan truyền đạt. Mà thuyết pháp có dễ không? Khó lắm! Khó thể làm được! Vậy muốn làm được thì phải làm sao?.

Theo như Kinh nói là chúng ta phải cậy vào Thánh tâm của chúng ta để mà hoàn thành cho bằng được công việc khó khăn này. Nhưng Thánh tâm chúng ta có không? Nếu có thì phải vận dụng như thế nào cho phương thuyết pháp. Còn nếu không có thì làm sao để có? Có được rồi

còn giữ được không? Phải làm sao luôn luôn giữ cho được? Nếu giữ không được thì chắc chắn phải trở lại làm phàm rồi. Mà qui phạm thì đâu còn là Thánh tức không có Thánh tâm, như vậy thì làm sao cậy vào Thánh tâm mình để thay đổi tánh phàm của nhơn sanh được?

Đây quả thật là những câu hỏi và những khó khăn tưởng rằng không làm sao giải đáp được và không làm sao vượt qua được.

Nhưng chúng ta phải giải đáp được và sẽ vượt qua được. Để vượt qua được, phần trình bày về Thánh tâm với những câu hỏi, là chúng ta có không? Nếu chưa có thì làm sao để có. Có rồi làm sao giữ được, vì có giữ được thì mới mượn quyền thuyết pháp để làm cơ quan được. Đây là những câu hỏi xin sẽ được trả lời ở phần sau. Đó là phần luận giải về tâm chí thành và an tịnh nhằm trình bày và chỉ rõ làm sao để có thể thuyết pháp được và đạo tràng sẽ không thể bị ma phá.

Bây giờ đây trước nhất xin trở lại vấn đề làm sao thuyết pháp được.

Muốn thuyết pháp được thì ngoài Thánh tâm trước tiên cần phải có như kinh đã nói ở bốn câu trên, vị thuyết pháp cần phải có thêm những gì nữa gọi là hành trang trên bước đường hóa đạo.

Xin hãy nghe hay đọc bốn câu kinh kế tiếp theo đây sẽ nói về hành trang cần phải có. Bốn câu kinh này được viết ra từ kinh Thuyết Pháp với tâm niệm nguyện rằng:

*“Nguyện lời nói biến hình bác ái,  
Nguyện chí thành sửa máy tà gian.  
Nguyện cho khí tịnh thần an,*



*Nguyện cho thánh giả hiểu dàng chơn tu.”*

Những lời nguyện này, đó là những lời nguyện tu, cần phải có tu, để có đủ hành trang thì mới có cơ may đi thuyết pháp được.

- Hành trang thứ nhất là **tâm Bát Ái** hay **tâm Từ Bi** (*Nguyện lời nói biến hình bát ái*). Đây là tâm của Phật.
- Hành trang thứ hai là **tâm Chí Thánh** (*Nguyện Chí Thành sửa máy tà gian*). Đây là tâm của Thánh và cũng là của Phật.
- Hành trang thứ ba là **tâm Thanh Tịnh** (*Nguyện cho khí tịnh thân an*). Đây cũng là tâm của Phật.

Phải có được ít nhất ba hành trang này thì mới đủ Đức và Hạnh để nghĩ đến phương Thuyết Pháp.

Cuối cùng, mặc dù đã có đủ ba đức hạnh nêu trên nhưng cũng chưa thực hành được, tức không thể làm cho công cuộc thuyết pháp trở thành hiện thực được, vì còn thiếu một hành trang thứ tư. Đó là hành trang chót, hành trang cuối cùng, nhưng lại là hành trang cần thiết nhất.

Xin hãy nghe bốn câu kinh cuối cùng cũng được rút ra từ Kinh Thuyết Pháp:

*“Nguyện các Đấng đang châu Bạch Ngọc,  
Giúp thông minh lâu thuộc văn từ.  
Cảm quang điều động tâm tu,  
Khai cơ giải thoát mở từ Phong Đô”.*

Trong bốn câu kinh này thì câu thứ hai “*Giúp thông minh lâu thuộc văn từ*” là hành trang thứ tư, với ý nói rằng để có thể thuyết pháp được theo như Kinh dạy và Đức Hộ Pháp dặn thì cần phải có “*Tri thông minh*” “*tài khẩu thuyết*”, có “*Phù, Tỳ, Húng, Phú*” “*Phù ba văn chương*”

phải “*làu thuộc văn từ*” mà văn từ ở đây cũng có nghĩa là “*Kinh, Cổ, Điển, Luật. v.v. cần phải làu thông hay phải cả học thuộc lòng*” thì mới đặng.<sup>[6]</sup>

Nói chung, nhất thiết cần phải có đủ bốn hành trang nêu trên thì mới có thể thuyết pháp để cứu khổ độ đời, mới đưa nhơn sanh vào con đường Nhơn Đạo Đại Đồng, Thiên Đạo Giải Thoát được mà bốn câu kinh kê ra sau đây cũng rút ra từ Kinh Thuyết Pháp đã diễn tả rất rõ:

*“Đại Từ Phụ hồng ân rưới khắp,  
Trợ giúp con đặng lập nên công.  
Muốn cho thiên hạ đại đồng,  
Lấy câu cứu khổ dụ lòng thương sanh.”*

Có nghĩa là muốn cứu khổ thương sanh và hoàng khai Đại Đạo làm cho thiên hạ đại đồng thì điều cần thiết là phải lập nên công thuyết pháp.

Muốn lập nên công thuyết pháp theo như Đức Hộ Pháp và Kinh dạy thì cần phải có đủ bốn (4) hành trang như đã ghi, sẽ được trình bày chi tiết ở phần kế tiếp.



---

[6] Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống – Sách đã dẫn.

## HÀNH TRANG THUYẾT PHÁP

**Đ**Ể CÓ THỂ THUYẾT PHÁP ĐẠT ĐƯỢC DIỆU DỤNG ĐỘ ĐỜI NÂNG ĐẠO, CỨU KHỔ ĐỘ SANH, VỊ thuyết pháp cần phải được trang bị đầy đủ bốn hành trang cần thiết. Một là Từ Bi, hai là Nhẫn Nhục, ba là Thanh Tịnh và bốn là Tri Kiến giáo lý thâm sâu, trừ những vị Bồ Tát thị hiện độ đời hay những Nguyên nhân xuống trần lập vị đã có nhiều tiền kiếp tu tập, đã đạt được chứng quả, nên tâm đã thông và trí đã huệ.

Xin được trình bày từng hành trang một.

### I- HÀNH TRANG THỨ NHẤT: BÁC ÁI

Tâm Bác Ái được diễn tả qua câu kinh Thuyết Pháp như sau:

*“Nguyện lời nói biến hình **Bác Ái**”*

Với câu này kinh muốn nói rõ là lời thuyết pháp một khi đã được nói ra thì đó phải là hình tướng của Tình Thương, thật tướng của Bác Ái hay Từ Bi.

Tâm Bác Ái, Nhân Ái hay tâm Từ Bi, đây là đức tánh thứ nhất, đức tánh đầu tiên của một vị Phật. Người tín đồ Cao Đài chỉ cần đạt được tâm này toàn vẹn viên mãn thì kể như Phật quả đã đến một bên. Chính Đức Chí Tôn của Đạo Cao Đài là một vị Phật còn được xưng tụng là *“Đấng Từ Bi”* qua các câu kinh như sau:

*“Từ Bi giá ngự rạng môn thiên”*

■ *(Kinh Dâng Hoa)*

Và

“*Ngưỡng vọng Từ Bi gia tế phước*”

■ (*Kinh Dâng Trà*)

Như vậy, với kinh kệ và cơ bút của Đạo Cao Đài thì một vị Phật còn được gọi là Đấng Từ Bi. Vậy thì Từ Bi có nghĩa là Phật và bất cứ tín đồ nào đã có tâm từ bi thì đó là vị tín đồ đã bước chân theo gót của Đức Chí Tôn nghĩa là sẽ bước vào đất Phật.

Nói rõ hơn, theo giáo lý của Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn, Đức Nhị Trấn Oai Nghiêm Quan Thế Âm Bồ Tát và Đức Hộ Pháp dạy thì tâm Từ Bi là một hành trang tối quan trọng không thể thiếu. Đây là hành trang thứ nhất mà bất cứ vị thuyết pháp nào cũng cần phải tu chứng, cũng cần phải có, càng tròn đầy càng tốt, nếu không có thì thôi đừng nên đăng đàn giảng đạo, vì nếu thiếu tâm Từ Bi thì đó là thiếu Phật tánh, mà thiếu Phật tánh thì làm sao dẫn dắt hay chỉ đúng con đường cho người khác vào đất Phật được.

Chính vì tâm Từ Bi hay tâm Bác Ái tức Tình Thương Vị Tha nó vô cùng cao cả và quan trọng như vậy nên – theo lời Đức Hộ Pháp – Đức Chí Tôn mới đến ký hòa ước buộc chúng ta chỉ có Luật Thương Yêu mà thôi.

Với luật Thương Yêu hay tâm Bác Ái, Nhân Ái, Từ Bi, Đức Hộ Pháp trong “*Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống*” muốn kêu gọi tín đồ Cao Đài đừng khi nào oán cừu ghét bỏ lẫn nhau mà phải cùng nhau luôn luôn thương yêu hòa ái.

Thật vậy, trong “*Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống*” Đức Ngài đã nói:

*“Tại khôn khéo của ta trong mấy kiếp sanh, vì thù hận chẳng vì yêu ái, vì oán cừu chẳng vì bác ái. Hễ oán cừu thì tạo nghiệp Quỷ Ma, còn bác ái thì tạo nghiệp Phật”.*

*“Những điều gì giục ta cừu hận, oán ghét thì ta tuyệt bỏ lần nó đi, mỗi kiếp sanh mua chuộc sự thương yêu đặng sống nơi Cực Lạc Thế Giới”.*

*“Ta có phương pháp mỗi kiếp sanh các Chơn linh trừ bớt thù hận, đoạt quyền lực thương yêu như trên hình tượng trước Đền Thánh, Đức Chí Tôn để Tam Thánh ký hòa ước với Ngài đó vậy.”*

*“Đức Chí Tôn đến ký hòa ước buộc chúng ta chỉ có Luật Thương Yêu mà thôi. Bởi Luật Thương Yêu mà Ngài cầm quyền cả Càn Khôn Vũ Trụ trong tay, mà chúng ta đã định nghiệp được cao trọng cũng do nơi quyền lực của luật ấy.”*

Tóm lại, Đức Chí Tôn với Đức Hộ Pháp nói về Luật Thương Yêu và kinh Thuyết Pháp dạy về tâm Bác Ái hay Từ Bi, đó là cốt ý chỉ bảo và nhắc nhở chúng sanh bất cứ trong đạo sự nào cũng cần phải nhớ là không thể thiếu vắng từ tâm và cũng không thể đi ra ngoài tình thương vị tha mà hai Ngài đã nói ra là Luật. Như vậy, khi thuyết pháp cũng thế, chúng ta cũng không thể làm khác hơn được những gì Đức Chí Tôn, Đức Hộ Pháp và Kinh đã dạy.

Chúng ta bắt buộc phải có tâm Bác Ái, tâm Từ Bi khi đi thuyết pháp. Thuyết pháp mà thiếu tâm từ thì rất dễ bị đánh ngã tại đạo tràng hoặc rất dễ làm cho đạo tràng lung lay hay tan vỡ, vì Bồ Tát lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để thử thách đạo lực của chúng ta, và nội ma cũng như ngoại ma luôn luôn chực chờ để khuấy phá.

Nội ma dấy dậy trong tâm của những ai thiếu thiện

tâm hay cống cao ngã mạn. Còn ngoại ma thì lúc nào cũng có mặt ngoài xã hội, trong chùa, trong nhà thờ, trong Thánh Thất và nhất là tại đạo tràng.

Đó là những thói hư tật xấu, các chủng tử độc ác tham, sân, si, những dục vọng thấp hèn, những thú tánh cuồng loạn cũng như kiêu mạn mà người còn thiếu căn tu, thiếu đạo đức, đạo lực thì luôn luôn lúc nào cũng có. Chúng nó tiềm ẩn mai phục sẵn trong chúng ta và lúc nào cũng chực chờ cơ hội để hình hiện và thi triển, tác động, xúi giục chúng ta phẫn hận, mất bình tĩnh, dễ rối rắm, dễ sân si làm mối cho những phát biểu hay hành động đáng tiếc, có khi xằng bậy như phản ứng lại những phê bình hay chỉ trích hoặc đả kích và do đó mà đạo tràng có thể bị xáo trộn và rất dễ vỡ tan.

Người thiếu tâm chứng tử bi nếu đi thuyết pháp thì nên thận trọng, tốt hơn hết là đừng nên đi. Nếu muốn đi và có thể thuyết pháp có kết quả thì trước tiên cần phải bỏ công tu tập, quán chiếu để tâm chứng và nếu có thể thực chứng được tâm từ thì lúc đó công việc độ Đời nâng Đạo mới mong thành đạt được.

Nói chung muốn thuyết pháp thật sự có diệu dụng hoằng khai Đại Đạo, cứu thế độ sanh thì vị thuyết pháp cần phải hoàn toàn có được tình thương Bác Ái Đại Đồng mà đạo Khổng, đạo Nho gọi là đạo Nhân hay lòng Nhân Ái, đạo Chúa gọi là lòng Bác Ái, đạo Phật gọi là tâm Từ Bi và đạo Cao Đài tượng trưng bằng chữ Amour bao gồm tất cả tình thương, tâm và lòng kể trên của tam giáo và Thiên Chúa giáo.

Đến đây, một lần nữa để làm sáng tỏ hơn phương thuyết pháp để độ nhân sanh theo như lời dạy của Đức

Hộ Pháp, xin lặp lại câu hỏi là tại sao phải có tâm Bác Ái, tâm Từ Bi hay lòng Nhân Ái thì mới thuyết pháp độ sanh được?

Đó là tại vì nếu không thương người thì làm sao thuyết pháp độ được người. Nói rõ hơn là không thương thì làm sao có thể giúp người, có thể độ người được.

Đây là tình thương vị tha chứ không vị kỷ, tức thương người là vì người mà thương, chớ chẳng phải thương người là chỉ vì mình, cho mình. **Vị tha vị thương người mà nói đạo để độ sanh, để độ đời nâng đạo chớ không phải thuyết đạo để khoe khoang hay để phô diễn cái ngã của mình.** Bất cứ ai dù nói đạo hay luận đạo mà còn vị kỷ thì sẽ không bao giờ thuyết đạo độ sanh được, chẳng bao giờ lập công quả qua thuyết pháp được.

Nói khác hơn, thuyết đạo độ sinh được thì phải là người đã xả bỏ thân kiến, cũng có nghĩa là xả bỏ ngã chấp, mà ngược với ngã chấp là vô ngã. Như vậy, muốn thuyết đạo độ sanh thì trước tiên phải “*vô ngã*”, phải thấy rõ và tâm chứng cho được “*Vạn sự viết vô nhục thể thổ sanh hoàn lại thổ*” của đạo Cao Đài hầu đem thân này dâng hiến cho Thầy để phục vụ vạn linh, cũng có nghĩa là “*Con nguyện hiến dâng mảnh hình hài, trí thức tinh thần và cả linh hồn con cho Thầy dùng phương nào thì dùng*” mà người tín đồ Cao Đài thường nguyện niệm khi dâng Tam bửu.

Tóm lại, người chưa thấy rõ và chưa tâm chứng được vô ngã, chưa xả bỏ được thân kiến và thiếu tâm từ bi thì không nên đi thuyết pháp.

Xả bỏ được thân kiến, tức xả bỏ được vị kỷ và trở

thành vô ngã vị tha thì chắc chắn với tâm ấy và lúc đó, con người đó đã bước vào vòng Thánh. Thánh mà nói đạo thì chẳng trở ngại chi, nhưng nếu vẫn còn phàm phu thì lại khác. Bồ Tát và ma quỷ luôn luôn cận kề người thuyết đạo, vậy nên thận trọng. Nếu chưa xả bỏ được thân kiến và còn thiếu tâm từ bi thì người thuyết đạo có thể sẽ bị Bồ Tát hay ma quỷ đánh ngã ngay tại chính đạo tràng.

Kết luận lại, tâm Bác Ái hay Từ Bi là đạo hạnh thứ nhất mà người thuyết đạo cần phải có. Đó là tâm Thánh, tâm Phật. Đó là đức tánh thứ nhất mà bất cứ vị Phật nào cũng phải có. Như vậy, nếu chưa có tâm từ bi, chưa biết thương yêu toàn Đạo, toàn thể nhơn sanh, chưa có tình thương vị tha bao la đại đồng thì thôi khoan nghĩ đến việc đi thuyết pháp. Đạo Phật gọi đây là “*Vào nhà Như Lai*”<sup>[7]</sup> nghĩa là với Phật giáo Đại Thừa thì danh từ kép “*vào nhà Như Lai*” tức là người đã có đủ tâm từ bi, là tâm hay đức tánh thứ nhất và cao trọng nhất của Phật, mà cũng của Thánh và Chúa. Đã có tánh của Phật, Thánh và Chúa thì việc thuyết đạo sẽ chẳng khó khăn, mặc dù vậy vẫn còn một đạo hạnh hay đức tánh thứ hai, đó là Nhẫn Nhục. Cần phải có thêm đức tánh thứ hai này thì đạo tràng mới mong chắc chắn giữ vững được.

## **II – HÀNH TRANG THỨ HAI: NHẪN NHỤC**

Tâm Nhẫn nhục được luận giải qua câu kinh “*Nguyện chí thành sửa máy tà gian*” trong bài Kinh Thuyết pháp của đạo Cao Đài. Đây là một câu kinh có thể được luận giải qua nhiều hệ thống giáo lý, như với Nho giáo hay Khổng

---

[7] Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải- Hòa Thượng Thích Thanh Từ, NXB Tôn giáo VN, 1999, trang 404–408.



giáo thì cũng đến mà với Phật giáo cũng thông, cũng được.

Bài viết này trước tiên sẽ nương vào một câu chuyện mà trong đó người hành trì chính là Đức Phật Thích Ca, để chỉ rõ cho thấy diệu dụng của tâm nhẫn nhục trong công cuộc thuyết pháp nhằm làm cho việc hoằng dương chánh pháp đạt được kết quả. Kế đến sẽ cậy vào giáo lý Nho giáo hay Khổng giáo để phân tích và lý giải làm sao để có được tâm nhẫn nhục. Cuối cùng giáo lý đạo Cao Đài, Nho Tông chuyển thế sẽ làm sáng tỏ cách tu và luyện để có thể ít nhất cũng tâm chứng thì mới thuyết pháp được.

## A – Nhẫn nhục với Phật giáo

### Câu chuyện Đức Phật Thích Ca đi thuyết pháp.

Đây là câu chuyện được Ngài A Nan kể lại:

*“Đại Đức Quanda nhớ rằng hồi Phật an cư tại làng Kalmasadamyā ở Kosambi có một người đàn bà tên là Magandika đã vì không được Phật đối xử một cách đặc biệt mà sinh lòng thù hận Phật. Magandika là một phụ nữ xinh đẹp, con gái của một gia đình Bà La Môn. Lần đầu thấy Phật – hồi đó Phật mới có bốn mươi bốn tuổi – cô đem lòng yêu người. Rồi khi tình yêu càng lớn mạnh cô đòi hỏi Phật có một biệt nhān đối với cô. Cô đã làm mọi cách để Phật đối xử với cô như một người đặc biệt, nhưng cô không thành công. Rốt cuộc tình cảm biến thành thù hận.*

*Sau này, trở nên thứ hậu của vua Udena xứ Vausa, cô đã dùng quyền thế và phương tiện của cô để cho người đi nói xấu và nhục mạ Phật. Cô còn làm áp lực với chánh quyền quận và xã ấp dùng cho Phật và giáo đoàn đến thuyết pháp. Cô lại tìm cách trả thù và hành hạ vương phi Samavati, một*

người rất được vua Udayana ân sủng, chỉ vì người ấy là đệ tử rất thuần kính của Phật.

Thấy Phật bị nhục mạ và làm khó dễ quá, đại đức Ananda đề nghị người nên đi hành đạo tại một xứ khác. Phật hỏi:

– Nếu tôi xứ khác mà cũng bị nhục mạ và làm khó dễ nữa thì ta sẽ đi đâu?

Ananda nói:

– Thì ta nên tới một xứ khác nữa.

Phật bảo:

– Nói như thế không được. Ananda ơi. Gặp khó khăn ta không nên nản lòng. Phải tử trong môi trường khó khăn ấy mà tìm ra giải pháp ổn thoả. Ananda, nếu ta thực tập pháp hành xả, ta sẽ không thấy khó chịu khi bị nhục mạ, và những lời nhục mạ ấy không động được đến ta. Những người chưởi rửa ta sẽ không làm tổn thương được ta và chỉ hướng ta nếu ta thực tập được phép xả. Còn họ, họ sẽ phải chịu đựng những kết quả của sự chưởi rửa của họ. Khi một người phun nước bọt lên trời với ý định làm bẩn trời, trời đã không bị bẩn, mà nước bọt sẽ rơi xuống mặt người nhổ nước bọt.

Phật đã thành công năm xưa ấy!»<sup>[8]</sup>

\*

☪ ☪

Câu chuyện trên đây cho thấy bất cứ ai đi thuyết pháp, đến ngay cả Phật cũng có thể bị ma phá. Ma, đây

---

[8] Theo gót chân Phật- Đường xưa mây trắng- Thích Nhất Hạnh- NXB Lá Bối- CA-USA 1999- Trg 414-415)

là ma vong, ma vương, ma nữ, nội ma ngoại chướng, mà bà Magandika, một sắc nước hương trời, đã yêu nhưng không được yêu lại nên oán hờn thù hận nổi lên và đó là tâm ma làm cho biến thành ma nữ, phá khuấy và cản trở công cuộc thuyết pháp của Phật nhưng nhờ tâm từ bi, nhãn nhục và hỉ xả mà Phật đã vượt qua.

Như vậy, muốn thuyết pháp được trước nhất phải có tâm từ bi và kế đến là tâm nhãn nhục. Tâm nhãn nhục được tự điển Phật học giải nghĩa như sau:

*“Nhãn nhục là một trong 10 hạnh Ba la Mật- Lục Độ. Nhãn nhục có nghĩa là kiên trì chịu đựng sự căm ghét hay phỉ báng của kẻ khác, chịu sự khổ ải mà không mất đạo tâm tinh tấn.”*<sup>[9]</sup> Tâm Nhãn Nhục, theo đạo Phật, là đức tánh thứ 5 của một vị Phật, sau Từ Bi, Trí tuệ, Bình đẳng, Lợi tha. Đây là một đức tánh mà một vị Phật phải có, nếu không thì không thể nào lợi tha được, cũng có nghĩa là không làm sao thuyết pháp cứu khổ độ sanh được. Nói khác hơn là bất cứ ai nếu muốn thuyết pháp có diệu dụng thì bắt buộc phải chứng cho bằng được đức tánh này, vì nếu thiếu đức tánh này thì đạo tràng rất dễ bị ma quỷ phá và do đó cũng dễ đổ vỡ. Điều nên ghi nhớ là trong bất cứ đạo tràng nào cũng có ma, vì thế Thánh giáo đạo Cao Đài mới nói:

*“Bày đờn ai khéo sắm đờn dây,  
Để qui để ma ở cả bấy.  
Lẩn bần cứ theo toan cám dỗ,  
Làm cho nên nổi Đạo xa Thầy.”*

Đạo xa Thầy hay tín đồ xa Thầy là do ma khuấy phá.

---

[9] Tự điển Phật học – Chân Nguyên Nguyễn Tường Bách, Thích Nhuận châu- NXB Tôn giáo VN 2006- Trg 415.

Ma chỉ có thể phá được đạo tràng thuyết pháp là khi nào vị chủ trì thuyết pháp thiếu đức từ bi và thiếu tâm nhẫn nhục.

Đến đây một câu hỏi khác được đặt ra là làm sao để có tâm nhẫn nhục. Để trả lời câu hỏi này xin được nói đến giáo lý đạo Nho hay đạo Khổng.

### B– Nhẫn nhục với Nho giáo.

Tâm nhẫn nhục qua câu kinh “*Nguyện chí thành sửa máy tà gian*” được luận giải như sau với Nho giáo.

Theo giáo lý Nho giáo thì Thành chính là cái gốc của Thánh nhân: “*Thành giả, Thánh nhân chi bản giả*”<sup>[10]</sup> Nói khác hơn, Thánh Nhân là vị đã thành hay chí thành mà thôi: “*Thánh, Thành nhi dĩ hi*”.<sup>[11]</sup> Như vậy người chí thành chính là Thánh nhân và như thế thì câu: “*Nguyện chí thành sửa máy tà gian*” cũng chẳng khác chi câu “*Cậy Thánh tâm sửa đổi tánh phàm*”.

Tóm lại “*nguyện Chí Thành*” trong câu nguyện chí thành sửa máy tà gian, đó là câu nguyện cầu có được Thánh tâm, để cậy nhờ vào Thánh tâm hầu mượn quyền thuyết pháp mà sửa đổi tánh phàm của nhơn sanh.

Vậy Thánh tâm là gì? Thánh tâm như thế nào để nhờ đó mà có tâm nhẫn nhục có thể đi thuyết pháp để sửa đổi tánh phàm và hơn thế nữa còn có thể giữ vững đạo tràng trong khi thuyết pháp.

\*  
ξ ξ

---

[10] Nho giáo – Trần Trọng Kim – NXB Trung Tâm học Liệu, Bộ Giáo dục Sài Gòn VN 1971 – Trang 111.

[11] Ib, trang 112.

Thánh tâm là tâm của Thánh tức tâm mà Thánh có.

Thánh theo chữ Nho có ba chữ hợp lại. Đó là chữ vương làm nền bên dưới, với hai chữ khẩu và nhĩ ở trên. Chữ vương là biểu trưng cho tam tài Thiên Địa Nhân và chữ Khẩu có nghĩa cái miệng chỉ lời nói, còn chữ Nhĩ để chỉ cái nghe hay tánh nghe. Ba chữ này ráp lại lập ra chữ Thánh tức chí thành, mà theo như Kinh dịch nói thì đó có nghĩa “*Tịch nhiên bất động là Thành*”.<sup>[12]</sup>

Như thế chí thành hay Thánh có nghĩa nếu con người từ căn bản hay từ nguồn gốc đã có được hay đã học được cái hạnh tịch nhiên bất động của đất, tức cái hạnh “*đất chớ*” cũng như “*trời chớ*” rồi kể đến học được tánh nghe mà Đức Nhị Trấn Oai Nghiêm Cao Đài gọi là Phấn Văn Văn tự Tánh tức là nghe mà không chạy theo, không bị dính mắc và cuối cùng tập được tú khẩu tức miệng nói toàn lời hay lẽ phải, thơm tho, thiện lành, thì lúc đó con người đã là Thánh tức hoàn toàn có tâm nhẩn nhục.

Nói nhẩn nhục vì đã thản nhiên, tịch nhiên bất động trước mọi lời nói, trước mọi hành động của người khác dù rằng bị chửi bới hay bị đánh đập đi nữa cũng vẫn nhịn nhục và vẫn chịu đựng như thế thì làm sao không phải là nhẩn nhục.

Tóm lại theo Nho giáo hay Khổng giáo thì Chí Thành tức là Thánh, mà Thánh là bậc tịch nhiên bất động. Như vậy, *nguyện Chí Thành sửa máy tà gian*, cũng có nghĩa là cây Thánh tâm sửa đổi Tánh phàm, qua thuyết pháp với tâm hoàn toàn thản nhiên như thế thì đó chính là biểu hiện cái đạo lực của Tâm Nhẩn Nhục vậy.

---

[12] Nho giáo- Sách đã dẫn- Trang 112.

## C– Tâm Nhẫn Nhục với Đạo Cao Đài Nho Tông chuyển thế.

Đạo Cao Đài Nho tông chuyển thế, cậỵ Nho Tông để lập đời Thánh đức, tức là trong cõi đời mà con người vốn đã có sẵn Thánh tâm thì đạo Cao Đài cố làm cho được trở về với tâm Thánh đó.

Tâm Thánh nói đây là do nơi chữ Thánh mà thành. Nói rõ hơn, đó là tâm của con người có được tú khẩu, có được tánh nghe không dính mắc và có hạnh “*đất chổ*” như trời che vậy.

Trước tiên, nói về **tú khẩu**, một trong ba chữ tạo thành chữ Thánh.

Tú khẩu, theo giáo lý đạo Cao Đài căn cứ vào giới trong tân luật, đó là tu làm sao để không còn nói láo, mà chỉ nói thật, không còn nói thêu dệt mà chỉ nói ngay thẳng, không còn nói đâm thọc mà chỉ nói lời đoàn kết xây dựng, không còn nói lời độc ác mà chỉ nói hòa ái thương yêu, thanh tao, lành thiện. Tóm lại, là người tu theo đạo Cao Đài chỉ biết yêu thương và lành thiện, nói lời ngay thẳng và chân thành để đoàn kết và hòa ái mà thôi. Đi xa hơn nữa thì người tu nên nhớ câu “*Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa*” mà Thầy đã dạy trong Ngọc Hoàng kinh, như thế nếu buộc phải nói thì nên nói ít càng tốt, không nói càng hay.

Tiếp theo tú khẩu là **tánh nghe**. Đây là nghe mà không bị vướng mắc. Không bị vướng mắc là sao?

Đó là nếu người ta có chỉ trích, có đả kích, ngay cả chưởi bới mình thì mình cũng không nên để cho bị dính mắc vào mà phải phiền não khổ đau. Phải nên nhớ rằng thân nầy mà còn không thật, còn vô thường biến hoại thế

thì lời nói, tiếng chửi kia cũng nào có thật đâu, nó cũng vô thường và tan biến vào không gian mất dạng, vậy thì chấp nó làm gì, không nhận nó thì thôi chớ ta nào có hề hấn chi đâu (Xin đọc **Giới, đường tới Thiên Đàng** của cùng tác giả).

Cuối cùng sau tú khẩu và tánh nghe, giai đoạn thứ ba là theo **hạnh của đất**.

Theo hạnh của đất là sao?

Có câu “*Trời che đất chở*” Đất chở có nghĩa là đất nhận tất cả, đất chịu đựng tất cả, đất ôm vào lòng tất cả. Ai khạc, ai nhổ, ai tiêu, ai tiểu, ai đào, ai xới, ai đắp, ai đập, ai nện..v.v... đất luôn luôn chịu đựng mà chẳng một lời thở than trách móc. Cái hạnh của đất nó cao cả và bao la như vậy. Cái gì cũng nhận, sẵn sàng chịu đựng mọi phiền não khổ đau cũng như sẵn sàng ôm vào những chướng duyên oan nghiệt mà không thù không hận, không oán, không than. Hạnh và đức như thế này thì còn có gì hơn. Thánh hay Phật cũng chỉ làm như thế mà thôi.

Tóm lại, muốn tu để có thể độ đời nâng Đạo, cứu khổ độ sanh thì người tu phải luyện cho có tú khẩu, có tánh nghe không bị vướng mắc và cuối cùng chở được bao nhiêu thì chở, chở như đất chở, chở càng nhiều càng tốt, vì có chở có che thì mới cứu đời được. Luyện được ba hạnh trên đây đó là người tu đã vượt qua Hiền mà đã là Thánh ngay tại thế gian này rồi.

Thánh có những đức tánh như trên mà chữ Thánh đã ghi rõ, đó là những đức tánh hoàn toàn từ bi và nhẫn nhục.

“*Nguyện chí thành sửa máy tà gian*”

hay

*“Cây Thánh tâm sửa đổi tánh phàm”*

như kinh Thuyết pháp đã dạy, đó là cầu cho có những đức tánh nêu trên. Những đức tánh này tất cả đều là vị tha và nhu hoà nhẫn nhục.

Đạo Cao Đài dạy người tu nếu muốn độ đời nâng đạo thì phải có dạ chí thành (*Nguyện chí thành...*) mà chí thành tức là Thánh và đó là giáo lý của Nho tông.

Đạo Cao Đài Nho tông chuyển thế, ngay bài kinh thứ nhất (Niệm hương), với câu kinh thứ nhất (*Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp*) đã nói rõ rằng có đạt đạo được chẳng là gốc bởi có lòng thành hay không mà thôi.

Phải đủ lòng tin và có đủ lòng thành thì chắc chắn sẽ đến được với đạo và đạt được đạo.

**III – HÀNH TRANG THỨ BA: THANH TỊNH**

Tâm thanh tịnh là đức tánh thứ bảy của mỗi vị Phật.

Nói đến tâm thanh tịnh là do hai câu kinh:

*“Nguyện cho **khí tịnh** thần an,  
Nguyện cho **thính giả** hiểu dàng chơn tu.”*

Vậy để có tâm thanh tịnh thì phải làm thế nào và muốn có tâm thanh tịnh thì phải làm sao?

**1– Thứ nhất:** Để có tâm thanh tịnh, người tu trước tiên cần phải giữ giới, cũng như để ngồi thiền có diệu dụng thì thiền gia cũng bắt buộc phải giữ giới vậy. Không giữ giới thì tâm dễ tán loạn bồn chồn, không tĩnh lặng thanh tịnh được, cũng như không giữ giới thì tọa thiền chỉ là để cho vui mà thôi, công tu thì có nhưng chứng quả sẽ không.

**2– Thứ hai:** Muốn có tâm thanh tịnh, người tu có



hai cách:

- a. Cách thứ nhất là phải tỉnh lự tọa thiền, hay thiền trong tứ đại oai nghi, tức phải quán số tức hay tùy tức để lắng tâm loạn tưởng.
- b. Còn cách thứ hai là gần các thiện trí thức, hoặc thường xuyên tiếp cận với giáo lý qua sách vở, băng, đĩa nhất là qua việc nghe giảng đạo, thuyết pháp.

Cần phải có tâm thanh tịnh thì khi thuyết pháp mới có thể tịnh tâm cho người khác được. Nếu tâm mình không thanh tịnh thì khó thể nào tịnh tâm cho ai, như vậy thuyết pháp sẽ khó có diệu dụng mà còn dễ gặp trở ngại.

Tâm thanh tịnh, ngoài diệu lực giúp cho thánh giả “*hiếu đàng chơn tu*” khỏi loạn tâm khi nghe pháp, còn có một diệu dụng vô cùng cần thiết, đó là cùng với tâm nhẫn nhục giữ vững đạo tràng. Phải có đủ ba tâm: từ bi, nhẫn nhục và thanh tịnh thì đạo tràng mới chắc chắn giữ vững được và công cuộc thuyết pháp mới mong đạt được kết quả như mong muốn.

#### **IV- HÀNH TRANG THỨ TƯ: THÔNG MINH VÀ VĂN TỬ**

Đây là hành trang cuối cùng mà lại là điều kiện thiết yếu và quan trọng nhất.

Hành trang này được rút ra từ câu kinh: “*Giúp thông minh lâu thuộc văn tử*”. Thông minh có nghĩa là trình độ tri thức do kiếp này đạt được hoặc do tiền căn mà có.

Do tiền căn mà có đó là trường hợp của Phật Thích Ca, Phật Hộ Pháp hay như Lục tổ Huệ Năng hoặc một số Chơn linh khác.

Lục tổ Huệ Năng được hiểu như không biết chữ

nên không đọc được kinh Đại Bát Niết Bàn, mặc dù vậy nhưng nhờ tiền căn học đạo, tu hành tâm thông, huệ chiếu nên đã giảng được tâm yếu và diệu lý của kinh này cho ni sư Tịnh Tạng nghe.

Nói khác hơn, ngoài những vị Phật hay Bồ Tát thị hiện để cứu khổ độ sinh, hoặc những Chơn linh, những Nguyên nhân giáng trần để lập công lập vị, tất cả bao nhiêu thể nhân khác nếu muốn thuyết pháp thì phải có được hành trang thứ tư, đó là “*thông minh lâu thuộc văn từ*”.

Lâu thuộc văn từ có nghĩa là phải lâu thông giáo lý, trước nhất là giáo lý đạo Cao Đài và kế đến là giáo lý các tôn giáo khác, đặc biệt là giáo lý tam giáo.

Về giáo lý đạo Cao Đài thì phải nghiên cứu thật sâu rộng kinh và cơ cũng như ngữ lục. Tuy nhiên, vì giáo lý đạo Cao Đài có phần cao siêu, gồm tất cả tinh túy giáo lý của tam giáo và nhiều tôn giáo khác, do đó nếu muốn thấu hiểu tận tường giáo lý của Đạo Cao Đài thì phải nghiên cứu thật sâu rộng giáo lý của các tôn giáo khác.

Thật vậy giáo lý của Đạo Cao Đài có thật sự quá cao siêu và có liên quan đến giáo lý của nhiều tôn giáo, đặc biệt là tam giáo. Vì vậy nếu không thấu hiểu rõ ràng giáo lý của Tam giáo và nhiều tôn giáo khác thì không làm sao tâm chứng và luận giải hay thuyết giảng được chơn lý của Đạo Cao Đài.

Chẳng hạn như bài kinh đầu tiên của đạo Cao Đài trong bộ kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, đó là bài kinh Niệm Hương. Bài kinh này khi mới đọc qua thì thấy không có gì khó hiểu lắm, nhưng để cho Nhơn loại đại đồng và Thiên đạo giải thoát thì phải cần đến giáo lý của đạo Nho hay

đạo Khổng, cộng thêm giáo lý đạo Phật.

Bài kinh này đã được giảng giải rất nhiều và rất hữu ích cho Đạo, nhưng thật ra nếu muốn có Thể Đạo và Thiên Đạo viên dung để có thể tu chỉ riêng với bài kinh này mà đạt Đạo thì việc luận giải cần phải nhờ đến Tứ Thư và Ngũ Kinh của Khổng giáo, cộng thêm với kinh Đại Thừa Phật giáo, ít nhất là kinh Pháp Bảo Đàn thì người tu mới thấy hết được diệu lý của bài kinh và mới có cơ tâm chứng yếu chỉ của kinh này. Đặc biệt và nói rõ hơn là nếu chưa thâm nhập được giáo lý tổng quát của Nho giáo, nhất là quyển Trung Dung trong Tứ Thư của đạo Nho, và nếu chưa thẩm thấu được tâm yếu của quyển Pháp Bảo Đàn kinh, một trong những quyển kinh trấn sơn của Thiền Tông Phật giáo Đại Thừa thì không làm sao người luận giải hay thuyết giảng có thể làm sáng tỏ được diệu lý của kinh “*Niệm Hương*” và người đọc, người nghe hay người tu, chính là tín đồ cũng không làm sao tri kiến để ngộ nhập được yếu chỉ của kinh này để tu đạt Đạo được.

\*

ξ ξ

Kế tiếp đến là bài Khai kinh trong kinh Tứ Thời Nhật Tụng. Đây là một bài kinh mà thật ra chỉ riêng với bài kinh này – cũng như chỉ riêng với bài Niệm Hương – thì người tu, nếu tu đúng theo đó, là đã đủ để đắc Đạo.

Bài Khai kinh trước đây cũng đã có nhiều sự giảng giải rất có ích, ích lợi rất nhiều. Nhưng thật ra, nếu muốn dựa vào bài kinh này để tu đắc Đạo (Nhơn đạo cũng như Thiên đạo) thì việc luận giải không phải chỉ dựa vào giáo lý Đại Thừa, mà chính yếu nhất là phải nhờ vào giáo lý Phật giáo Nguyên Thủy hay Tiểu Thừa mà trong con Đường

Thiên Lương Hằng Sống khi thuyết giảng về 3 con đường tu của đạo Cao Đài Đức Hộ Pháp đã có dặn tu theo Tiểu Thừa để giải thoát là vậy.

Nói về giáo lý của Đại Thừa hay Tiểu Thừa thì cho đến ngày nay phần lớn các sách trong đạo Cao Đài (không phải Kinh, Cơ và Ngũ Lục của Đức Hộ Pháp) khi viết có liên quan đến đạo Phật thì chỉ căn cứ vào giáo lý của Phật giáo Đại Thừa, chớ giáo lý Tiểu Thừa hay Nguyên Thủy thì hầu như không có nhắc đến. Hầu hết các sách của nhiều tác giả đều gần như vậy.

Thật vậy, cho mãi đến ngày nay, các sách trong đạo Cao Đài phần lớn liên quan đến Phật giáo thì đều dựa vào giáo lý của Đại Thừa.. Lý do phải chăng đạo Cao Đài phát nguồn từ một tỉnh phía Bắc của miền Nam Việt Nam nên do đó vẫn còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của Phật giáo Bắc Tông, còn Nam tông thì hầu như không được biết dù rằng tại các tỉnh cuối miền Nam Việt Nam vẫn có rất nhiều chùa Phật giáo Nam tông, nhưng tất cả hầu như do sự sai người Việt gốc Miền nắm giữ, và do khác biệt ngôn ngữ mà giáo lý Nam Tông không phổ cập được.

Việc thiếu thắm thấu giáo lý Phật giáo Nam Tông còn được gọi là Phật giáo Nguyên Thủy hay Tiểu Thừa, thật ra đây là một sự thiếu sót quá to lớn. Nói thiếu sót to lớn vì trong Kinh cũng như Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, cả hai đều có ẩn tàng tinh túy giáo lý Phật giáo Nam Tông hay Nguyên Thủy, thế mà việc luận giải Kinh và Ngũ Lục của Đạo Cao Đài thì chưa có sách nào nói đến giáo lý Nguyên Thủy hay Nam Tông Phật giáo, như vậy thì việc luận giải kinh cũng như Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp không thể nào đầy đủ và vẹn toàn được.

\*

ξ ξ

Với đạo Nho hay Khổng giáo cũng vậy. Nói đạo Cao Đài Nho Tông chuyển thế thì bốn phận của hậu lai là phải chỉ cho thấy rõ, thuyết giảng cho hiểu rõ thế nào là đạo Cao Đài Nho Tông chuyển thế? Mà để chỉ cho rõ ra, cũng như thuyết giảng cho rõ, cho thấy, cho thông thì đây không phải là việc dễ dàng. Lý do là vì đã qua bao nhiêu ngàn năm, kể từ khi đạo Nho xuất hiện và đạo Khổng hình hiện, chư vị Nho gia phần lớn đã vì an bình trong xã hội nên chỉ lo việc “*phụ mẫu chi dân*” hay “*liơng y như từ mẫu*” hoặc cao hơn một tí là “*Quân, Sư, Phụ*” nên hầu hết chỉ chuyên về Nho đạo. Do đó khi nói đến đạo Nho hay Khổng giáo thì hầu hết người đời chỉ nghĩ đến Nho đạo mà thôi.

Sự thật thì không phải hoàn toàn như vậy. Nếu nghiên cứu kỹ Tứ Thư và Ngũ Kinh thì chúng ta có thể thấy rõ rằng Đức Khổng Phu Tử đã có đề ra đạo Nhân trong Luận Ngữ.

Đạo Nhân là một đạo đi từ Nho đạo đến Thiên đạo mà trong đó với tôn chỉ Phối Thiên cũng có nghĩa là tu để thành Trời hay thành Phật thì Đức Khổng Phu Tử cũng có chỉ ra rất rõ, không khác chi giáo lý Phật giáo.

Có một điều rất tiếc là mặc dù trong Luận Ngữ Đức Khổng Phu Tử đã có nói ra nhưng hậu thế hầu như không có ai khai triển đến nơi đến chốn cả, trừ Vương Dương Minh đã thấy, cụ Trần Trọng Kim có thấy, nhưng có phải chẳng cả hai đều quá vắn số nên mọi việc khai triển phải dở dang. Ngày nay một học giả uyên thâm là Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ cũng đã thấy và có một bài viết rất súc

tích đăng trong Tập San Thế Đạo. Rất mong rằng việc khai triển sẽ được sâu rộng hơn.

\*  
ξ ξ

Cần phải khai triển giáo lý Phối Thiên của Khổng giáo. Đó là đi từ đời đến đạo, từ Thế pháp đến Bí pháp, từ Nhơn đến Thiên, từ Nhơn đạo đến Thiên đạo, cũng có nghĩa là Thiên Nhơn hiệp nhất.

Nhiệm vụ khai triển này, với đạo Cao Đài Nho tông chuyển thế, là một trách nhiệm, một bổn phận cần phải được hoàn thành ngay trong hiện tại hay bởi hậu thế của đạo Cao Đài. Cần phải hoàn thành càng sớm càng tốt. Việc hoàn thành này sẽ là một bước tiến rất xa trên con đường hoàng dương chánh pháp Cao Đài đồng thời giúp cho đạo sự Thuyết pháp đạt được những kết quả mong muốn.

Như vậy, để hoàn thành, cũng như để có thể thuyết pháp cho Đại Đạo hoàng khai, chư vị Nguyên nhân xuống trần lập vị cần phải thâm nhập thấu đáo tận tường tỉ mỉ giáo lý Nho Tông hay Khổng giáo.

Nói tóm lại, muốn hoàng khai Đại Đạo hay nếu chỉ nhằm thuyết pháp cứu khổ độ sanh thì trước tiên và ít nhất là phải thẩm thấu cho được Tứ Thư và Ngũ Kinh mà như Đức Hộ Pháp nói, đó là Kinh và Truyện. Có như thế mới mong luận giải, thuyết giáo và truyền đạt được giáo lý của đạo Cao Đài Nho tông chuyển thế, và như vậy mới làm tròn được ý nguyện của Đức Hộ Pháp đã giao phó, mà việc Đức Ngài giao phó cũng chẳng phải dễ. Thí dụ như trong Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, khi nói về 3 con đường tu của đạo Cao Đài, Ngài đã nói tu thân, tế

gia, trị quốc, bình thiên hạ là giải thoát. Có người trong Đạo nhưng không thuộc Tòa Thánh Tây Ninh, đã không hiểu nổi được lời nói của Ngài, chỉ vì tâm phàm còn quá nặng, nên cho rằng Ngài nói quốc sự, nhưng thật ra không phải là quốc sự, mà là Ngài dạy phải làm sao để đi đúng con đường từ Nhơn đạo đến Thiên đạo, đúng theo giáo lý Nho giáo hay Khổng giáo. Tuy nhiên vì lời nói của Ngài quá cao siêu mà với thể nhân chưa thâm nhập và thấm thấu được Tứ Thư Ngũ Kinh, nhất là Trung Dung nên không làm sao hiểu thấu đến. Xin được luận giải rõ lời dạy này của Đức Hộ Pháp với quyển sách viết về Ba Con ĐườngTu của Đạo Cao Đài theo Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống và đến đây xin nói qua phần Lão giáo.

\*

ξ ξ

Với **Lão giáo**, để có thể thuyết pháp, cần phải thâm nhập ít nhất là Đạo Đức Kinh – Nam Hoa Kinh và Huỳnh Đình Kinh. Có thâm nhập được các bộ kinh này thì mới mong đến được với “*cái túi khôn của nhân loại, cái túi khôn của loài người*” (la sagesse de cette terre) mà như René Bertrand đã nói, mới có thể tri kiến và luận giải được câu “*vô vi nhi dịch sử quân linh*” trong bài Ngọc Hoàng Thượng Đế kinh để cho đồng đạo tu mà siêu thăng hay giải thoát.

Còn về Phật giáo, nếu không thấy rõ được tâm yếu của những bộ kinh quan trọng thuộc Đại Thừa như kinh Kim Cang, Bát Nhã Tâm Kinh, Pháp Bảo Đàn kinh, Kinh Lăng Nghiêm và một số bộ kinh khác cũng như với Phật giáo nguyên thủy hay Tiểu Thừa mà chưa có đọc qua lời dạy của Đức Phật Thích Ca trong một số bài kinh quan trọng thuộc Nikaya hay A Hàm thì cũng không làm sao

thuyết giảng hay luận giải để cho tâm thông và huệ phát đối với Kinh, Cơ hay lời dạy của Đức Chí Tôn, các Đấng Thiêng Liêng và Đức Hộ Pháp trong đạo Cao Đài.

Thí dụ như nếu chưa nắm bắt được yếu chỉ hay chưa tâm thông được với kinh Kim Cang và Bát Nhã Tâm kinh thì không thể nào thuyết giảng thông hay luận giải suốt được các câu “*Nhược thiệt nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa, thị không thị sắc... v.. v..*” cũng như nếu không hiểu qua giáo lý của Phật giáo nguyên thủy mà Đức Hộ Pháp cũng đã có dạy thì cũng không thể nào giảng giải được các yếu chỉ trong bài Khai Kinh của Đạo Cao Đài. Muốn luận giải viên dung hay thuyết giảng để cho tâm thông huệ nhập với bài kinh này thì điều cần thiết là phải nắm vững giáo lý Nho giáo – Khổng giáo – Lão giáo và Phật giáo.

Tóm lại muốn đủ hành trang thứ tư để có thể thuyết pháp thì vị thuyết pháp phải “*Thông minh lâu thuộc văn từ*”. Phải thông minh lâu thuộc văn từ thì mới có thể:

“*Mượn quyền thuyết pháp dựng làm cơ quan*”  
■ (Kinh Thuyết pháp)

Để:

“*Cây phương thuyết giáo vẽ thành kinh chơn*”  
■ (Kinh Nhập hội)

Và cuối cùng mới có thể:

“*Cảm quang diêu động tâm tu,*  
*Khai cơ giải thoát mô tù Phong đờ*”  
■ (Kinh Thuyết pháp)



---

## KẾT LUẬN

**D**ẠO CAO ĐÀI, SAU HƠN TÁM MƯƠI NĂM LẬP ĐẠO, CÒN CẦN CÓ MỘT TẠNG LUẬN HOÀN CHỈNH, đầy đủ để soi sáng con đường tu cho toàn thể tín đồ và cũng để hoàng dương chánh pháp đem Đờì vào Đạo, hay đem Đạo đến với Đờì.

Việc còn thiếu Tạng Luận đầy đủ, cũng như thiếu sự soi sáng và phổ biến kinh, cơ và giáo lý qua sách vở, băng, đĩa, giảng đạo, thuyết pháp – nhất là thuyết pháp – sẽ không có thể giúp cho người tín đồ sớm khai tâm và phát huệ được, rõ nhất là tín đồ trước tiên sẽ thiếu Văn Huệ thì làm sao phát huy Tư Huệ và triển khai Tu Huệ.

Như vậy, có phải chăng vì quá bận rộn – như Đức Hộ Pháp đã nói – hay vì thời cuộc lắm thăng trầm thay đổi, mà cho mãi đến ngày nay vẫn còn những đạo sự vô cùng cấp thiết và quan trọng lại chưa được thực hành đúng theo lời dạy của Đức Chí Tôn, và đúng theo di ngôn của Đức Hộ Pháp, nhất là qua Thánh Lệnh của Đức Ngài ban hành vào Rằm tháng chạp năm Đinh Hợi, nhằm ngày 25 tháng 1 năm 1948 qui định tổ chức Khảo Cứu Vụ trong đó ngay nơi điều thứ nhất, đoạn thứ hai nói về mục đích Ngài đã dạy phải tổ chức giảng đạo.

Mặc dù vậy, nhưng kể từ ngày Thánh Lệnh được ban hành đến nay, tính ra đã hơn 60 năm, những gì Ngài qui định, Ngài dặn dò vẫn chưa được phổ biến và khai triển, đặc biệt nhất là vấn đề giảng đạo, thuyết pháp.

Đây là một vấn đề thật ra có thể nói là tối trọng và vô cùng nhạy cảm. Nhiều vị rất quan tâm nhưng lại ít bàn đến, hay không muốn bàn đến, có khi lại ngại bàn đến, lý do không gì khác hơn là tín đồ Cao Đài nói chung, ai ai cũng vì tâm đạo nên rất trọng sự kính tổ, do đó mà khi nói đến giảng đạo hay thuyết đạo thì có số người nghĩ rằng đạo sự này chỉ có những vị chức sắc Thiên phong hay Đại Thiên phong thì mới hành xử được mà thôi. Đây là một cách suy nghĩ hay ý kiến mà trên tinh thần hay trong tổng thể thì rất đáng quý trọng, nhưng với hiện tình của Đạo ngày nay đang cần sự hoàng khai mở rộng thì thử hỏi có cần nên suy xét và bàn luận kỹ lại không?

Sở dĩ có ý kiến bàn luận kỹ lại và nếu việc kính sư trọng tổ đến mức quá cứng nhắc mà không cần phần thiết hơn cho sự phát triển của Đạo, thì việc ấy sẽ làm cản trở bước đường hoàng dương chánh pháp của Đạo và gây trở ngại cho con đường tu của người tín đồ Cao Đài, đặc biệt nhất và quan trọng nhất là chúng ta đã không thực hành đúng những gì mà Đức Hộ Pháp đã dạy rõ nhất là qua Thánh Lệnh số 1 và Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống.

Đây chính là những lý do trọng yếu mà vấn đề cần phải được quan tâm bằng cách xét xem qua quá trình phát triển của Tam giáo trước kia, nhất là nhìn vào đạo Phật qua 2500 năm cho mãi đến ngày nay, để từ đó có thể rút ra kinh nghiệm nhất là một kết luận cho Đạo Cao Đài trong việc hoàng khai chánh pháp.

Như chúng ta đều biết Đức Phật Thích Ca có 10 đại đệ tử, mà nào phải tất cả đều thuyết pháp được hết đâu. Ngài Ca Diếp là đầu đà đệ nhất, Ngài Xá Lợi Phất là trí tuệ đệ nhất, Ngài Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất,

---

Ngài Ưu Ba Ly là giới luật đệ nhất, chỉ có Ngài Phú Lô Na là thuyết pháp đệ nhất. Như vậy mỗi đại đệ tử đều có một lãnh vực chuyên biệt với đạo hạnh và đạo lực thâm sâu đối với lãnh vực đó mà thôi. Như thế cũng có nghĩa là không phải hề có phẩm cao trong đạo là có thể thuyết pháp được. Phẩm cao, đạo trọng là đáng kính, nhưng phẩm cao đạo trọng thì có thể dạy tín đồ qua đạo hạnh “*Hành bất ngôn chi giáo*” (Đạo Đức Kinh) chớ không hẳn là tất cả đều có thể dạy tín đồ qua thuyết pháp giảng đạo.

Để có thể giảng đạo thuyết pháp được kết quả cứu khổ độ sanh, độ Đời nâng Đạo, vị thuyết pháp phải có được nhiều đức hạnh tất yếu, cũng như đạt được đạo pháp cần thiết đủ để giữ vững đạo tràng, cải dữ thành hiền, cải tà thành chánh, có diệu dụng đưa chúng sanh từ Sự đến Lý, từ Tướng đến Tánh, từ Thế Pháp đến Bí Pháp, từ Tục Đế đến Chân Đế giúp cho mỗi nhơn sanh đạt được Nhị Đế dung thông như thế thì công cuộc thuyết pháp mới đạt được mục đích, đó là đưa Đạo vào Đời hay đưa Đời đến với Đạo.

Nói rõ hơn, vị thuyết pháp phải được trang bị những hành trang thiết yếu và phải đạt được những đạo hạnh tất yếu. Những đạo hạnh và hành trang cần thiết đó là lòng Bác Ái, tâm Nhân Nhục và Thanh tịnh cùng với kiến thức giáo lý tinh thâm thâm nhập. Đây là những gì đã được nêu ra trong kinh Thiên Đạo Thế Đạo, rõ nhất là kinh Thuyết pháp, cũng như Đức Hộ Pháp đã ân cần dạy bảo và dẫn dò rất tỉ mỉ, mà Phật giáo của Đức Phật Thích Ca vào thời Nhị Kỳ Phổ Độ cũng nói nhiều điểm tương tự mặc dù cũng có khác biệt.

Trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tại Phẩm 10 Pháp

Sư nói về Thuyết pháp hay Bồ Thí pháp, Đức Phật Thích Ca đã dạy là bất cứ “*Thiện nam hay thiện nữ nào nếu muốn thuyết pháp được thì vị đó trước nhất phải “Vào Nhà Như Lai, Mặc Y Như Lai và Ngồi Tòa Như Lai”*”.

Vào nhà Như Lai, theo Phật Thích Ca giảng giải, đó là phải có tâm Từ Bi, mặc y Như Lai là phải có Nhu Hòa Nhẫn Nhục và Ngồi Tòa Như Lai có nghĩa là phải tinh thông Phật pháp.

Như vậy, Kinh Phật khi dạy về thuyết pháp cũng có nhiều điểm tương tự như kinh Thuyết pháp của Đạo Cao Đài, chỉ có khác là kinh Phật không có dạy phải có tâm thanh tịnh và không có nói đến giáo lý các tôn giáo khác, đặc biệt là Tam giáo, mà chỉ nói về giáo lý đạo Phật mà thôi. Đây là chỗ khác biệt và sở dĩ có khác biệt là vì đạo Cao Đài là tam giáo qui nguyên gồm có Nho, Thích, Lão, còn đạo Phật thì chỉ có Phật. ■

---



---

---

# THUYẾT PHÁP

SỌAN GIẢ: BẠCH Y

